



BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 18835 /BTC-CT
V/v xin ý kiến dự thảo
Nghị định.

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

HOÀ-TỐC

Nhằm cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng và Quốc hội tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15 tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bãi bỏ thuế khoán, thiết lập cơ chế quản lý thuế phù hợp với từng nhóm quy mô hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đồng thời, triển khai quy định tại dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi); dự thảo Luật Thuế Thu nhập cá nhân (sửa đổi) (cả 02 Luật dự kiến được thông qua vào ngày 10/12/2025) về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, ngày 10/11/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 17434/BTC-CT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Nghị định quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo thủ tục rút gọn.

Căn cứ thẩm quyền được giao tại dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi), Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định quy định việc kê khai, tính thuế và khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo thủ tục rút gọn.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Nghị định. Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính (Cục Thuế) để tổng hợp, hoàn thiện trước ngày 09/12/2025 (Bản mềm gửi về địa chỉ email: pthag@gdt.gov.vn, số điện thoại liên hệ: 0326021198).

Trân trọng sự phối hợp công tác của Quý cơ quan, đơn vị 

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng website);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng website);
- Cục QLGS CST, KTTN, GS KTKT, Vụ PC, Văn phòng Bộ (để TGYK);
- Ban/Đơn vị: PC, NVT, QLTT, KT, CDS, CCT TMDT, CCT DNL (để TGYK);
- Lưu VT, CT (VT, CS) 

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/ND-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

Nghị định quy định việc kê khai, tính thuế và khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số /2025/QH15 ngày ... tháng năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân số /2025/QH15 ngày.....tháng.... năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành nghị định quy định việc kê khai, tính thuế và khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang nộp thuế theo phương pháp khoán thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thực hiện tự xác định số thuế phải nộp theo kê khai từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

c) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc khai, tính thuế và sử dụng hóa đơn

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế, khoản thu khác đối với từng loại thuế, khoản thu khác và tự tính số tiền thuế, khoản thu khác phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế, khoản thu khác, thông báo thuế, khoản thu khác do cơ quan quản lý thuế thực hiện.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, khai thuế, khoản thu khác thay, nộp thuế, khoản thu khác thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế và pháp luật khác thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải nộp số tiền thuế, khoản thu khác đã được khấu trừ, khai thay, nộp thay.

3. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ mức doanh thu thực tế hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

a) Trường hợp xác định thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân và thực hiện kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Trường hợp tự xác định không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường:

a) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan thuế hỗ trợ xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) phải nộp và cập nhật dữ liệu cho người nộp thuế.

b) Trường hợp không sử dụng hóa đơn điện tử thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế phải nộp theo quy định.

5. Đối với phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp theo quy định.

6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi tạm ngừng hoạt động kinh doanh:

a) Đối với hộ kinh doanh thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh thì thực hiện thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

b) Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật quản lý thuế để cập nhật tình trạng “tạm ngừng kinh doanh”.

c) Trong thời gian tạm ngừng hoạt động, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp tạm ngừng không trọn tháng nếu khai thuế theo tháng, hoặc tạm ngừng không trọn quý nếu khai thuế theo quý.

7. Thời hạn nộp thuế và nơi nộp hồ sơ khai thuế

a) Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử hoặc nộp trực tiếp (đối với trường hợp không thể nộp bằng phương thức điện tử) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

8. Sử dụng hóa đơn điện tử:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu hàng năm dưới 01 tỷ đồng không bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường

hợp đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế khuyến khích và hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

c) Trình tự, thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, mẫu đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân thực hiện kê khai doanh thu gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Cơ quan thuế thực hiện rà soát cơ sở dữ liệu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của năm 2025 để hướng dẫn:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai trong năm 2025 có doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thực hiện khai, nộp thuế theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì thực hiện khai doanh thu của năm 2026 chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2027.

Điều 5. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân

1. Khai, nộp thuế giá trị gia tăng: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng thực hiện khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Khai, nộp thuế thu nhập cá nhân

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo doanh thu tính thuế nhân thuế suất thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý cùng thời hạn khai, nộp thuế giá trị gia tăng.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế (doanh thu – chi phí) nhân thuế suất thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân theo năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp, hệ thống công nghệ thông tin tự động tạo lập tờ khai thuế gợi ý để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

Điều 6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 6 tháng đầu năm thực hiện kê khai doanh thu thực tế phát sinh từ khi bắt đầu kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 6 và nộp tờ khai thuế (lần 1) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 và nộp tờ khai thuế (lần 2) chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 6 tháng cuối năm thực hiện kê khai doanh thu thực tế trong năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này căn cứ doanh thu thực tế kê khai để tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Trường hợp thuộc đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế thì thời hạn nộp thuế chậm nhất là thời hạn kê khai doanh thu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Từ năm tiếp theo, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này.

5. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định này.

Điều 7. Khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Chủ quản quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay đổi với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ.

2. Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến nhưng không có chức năng thanh toán có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 8. Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

1. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được tổ chức quy định tại Điều 7 Nghị định này hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện khấu trừ và nộp

thuế thay số thuế giá trị gia tăng và thu nhập cá nhân đối với các giao dịch phát sinh trong năm nhưng có doanh thu năm của toàn bộ hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 1 năm 2026 thì thực hiện thủ tục hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

2. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động kinh doanh thông thường và thương mại điện tử nhưng có doanh thu năm của toàn bộ hoạt động kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 1 năm 2026 (không bao gồm số thuế đã nộp của hóa đơn cấp theo từng lần phát sinh) thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

3. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp hoặc được các tổ chức, cá nhân đã khấu trừ, nộp thay lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì thực hiện xử lý bù trừ, hoàn trả, hoàn trả kiêm bù trừ thu ngân sách theo quy định của pháp luật quản lý thuế đối với số thuế nộp thừa.

4. Hồ sơ đề nghị xử lý tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa, thẩm quyền, trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết trình tự, thủ tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có quyền được yêu cầu cơ quan thuế hướng dẫn, giải đáp thắc mắc về khai thuế, tính thuế và nộp thuế.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh để xác định số thuế phải nộp theo quy định của pháp luật thuế.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thuế tất cả các số tài khoản liên quan đến sản xuất, kinh doanh.

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sử dụng sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán và hướng dẫn của Bộ Tài chính; sử dụng hóa đơn theo quy định.

5. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp sổ sách, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng, tài liệu liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế khi kiểm tra thuế.

6. Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm kê khai và nộp thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về quản lý thuế và pháp luật khác có liên quan.

7. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin mã số thuế hoặc số định danh cá nhân (đối với công dân Việt Nam); số hộ chiếu hoặc thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp (đối với công dân nước ngoài) và thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp, các thông tin bắt buộc đối với người bán theo quy định của pháp luật về thương mại điện tử cho tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, quản lý hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và cung cấp thông tin cho cơ quan thuế theo quy định.

b) Chỉ đạo Sở Tài chính, các cơ quan cấp phép chuyên ngành và các đơn vị liên quan thiết lập, cập nhật và chia sẻ cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh với cơ quan thuế; bảo đảm kết nối đồng bộ, chính xác giữa dữ liệu đăng ký kinh doanh và cơ sở dữ liệu thuế.

c) Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường, công an, tài chính, thông tin và truyền thông, lao động - thương binh và xã hội và các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với cơ quan thuế trong kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh; phòng, chống thất thu thuế; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hoạt động kinh doanh.

d) Bảo đảm nguồn lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để triển khai hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; chỉ đạo cơ quan chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử.

đ) Đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, nắm chắc tình hình hoạt động của hộ kinh doanh trên địa bàn; bảo đảm việc cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, đúng thực tế cho cơ quan thuế.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với cơ quan thuế để rà soát, thu thập và cập nhật danh sách hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn; phát hiện và thông báo kịp thời cho cơ quan thuế các trường hợp: bắt đầu kinh doanh, tạm ngừng, ngừng hẳn hoạt động, thay đổi ngành nghề, địa điểm kinh doanh trên địa bàn, kinh doanh không đăng ký, kinh doanh sai phép, ngoài địa điểm được cấp phép.

b) Phối hợp với cơ quan thuế trong việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về thuế đến người dân, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh. Hỗ trợ công tác tuyên truyền lưu động, niêm yết thông tin, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện kê khai, nộp thuế đúng quy định. Phản ánh các khó khăn, vướng mắc của người dân liên quan đến chính sách thuế đến cơ quan thuế để cùng phối hợp giải quyết.

c) Chỉ đạo các lực lượng chức năng trên địa bàn hỗ trợ cơ quan thuế trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi có yêu cầu, như: xác minh thông tin, xác minh địa chỉ kinh doanh, xác định quy mô kinh doanh, số lượng hộ kinh doanh và doanh thu, phối hợp lập biên bản, cung cấp hồ sơ địa bàn liên quan.

d) Phối hợp với cơ quan thuế, lực lượng quản lý thị trường, công an và các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi kinh doanh không đăng ký, kinh doanh không khai thuế, trốn thuế, gian lận thuế.

đ) Kiểm tra, giám sát và xử lý đối với các hộ kinh doanh hoạt động kinh doanh tại các địa điểm kinh doanh trái phép, hoạt động tại địa điểm kinh doanh không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thông qua đầu mối do tỉnh quy định) về tình hình hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; đề xuất biện pháp tăng cường quản lý, xử lý vướng mắc phát sinh.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật để hỗ trợ công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

a) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hướng dẫn chính sách thuế, thủ tục đăng ký, kê khai, nộp thuế bằng các hình thức phù hợp.

b) Hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, nền tảng kê khai, nộp thuế điện tử.

c) Thiết lập các kênh hỗ trợ người nộp thuế như đường dây nóng, bộ phận tư vấn trực tiếp, phản hồi trực tuyến.

d) Công khai quy trình, thời hạn giải quyết hồ sơ, biểu mẫu, tỷ lệ tính thuế, thuế suất, mức phạt (nếu có) để người nộp thuế dễ theo dõi và thực hiện.

đ) Kịp thời tiếp nhận và xử lý các ý kiến, phản ánh, vướng mắc từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo đúng thời hạn quy định.

e) Trường hợp cần kiểm tra, làm việc trực tiếp, cơ quan thuế phải thông báo trước, tránh gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

g) Không được yêu cầu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cung cấp lại thông tin, hồ sơ đã có trong hệ thống hoặc đã được cơ quan khác xác nhận.

2. Cơ quan thuế có trách nhiệm thực hiện quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo nguyên tắc minh bạch thông tin, thuận tiện, không làm phát sinh thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật.

3. Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người nộp thuế trong nội bộ ngành; kịp thời chấn chỉnh, xử lý trường hợp cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu hoặc thực hiện không đúng quy định.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai các giải pháp hỗ trợ tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay theo quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm triển khai các giải pháp để quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các giải pháp hỗ trợ tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, gia hạn nộp thuế, trường hợp tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân và các nội dung quản lý thuế khác thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho đến khi có văn bản thay thế.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lưu: VT, KTTH (2b).

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTC- TTr

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

DỰ THẢO**TỜ TRÌNH****Dự thảo Nghị định quy định việc kê khai, tính thuế và khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, thực hiện Luật Quản lý thuế số.../2025/QH15, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đưa ra giải pháp về đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách “*Mình bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính, nhất là vềthuế, hải quan... Trong năm 2025, ... thực hiện cắt giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo; Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế, phí, lệ phí theo hướng bảo đảm đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế,nhất là thu thuế điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; Hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số, đặc biệt là công nghệ tài chính, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tiền ảo, tài sản mã hoá, tiền mã hoá, thương mại điện tử... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu, bảo đảm an ninh, an toàn; Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị; Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 01 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm; Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng*

manh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật” (điểm 2,1 mục III).

- Nghị quyết số 68-NQ/TW cũng đưa ra giải pháp về hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh như sau: *Rà soát, hoàn thiện khung khổ pháp lý về kinh doanh cá thể; thu hẹp tối đa sự chênh lệch, tạo mọi điều kiện thuận lợi về tổ chức quản trị và chế độ tài chính, kế toán để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá, dễ tuân thủ, dễ thực hiện đối với chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm... để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026” (điểm 7 mục III).*

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01/01/2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật quản lý thuế (khoản 6 Điều 10).*

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã đặt ra những nhiệm vụ quan trọng liên quan đến công tác quản lý thuế trong bối cảnh phát triển thương mại điện tử và chuyển đổi số, cụ thể: (i) *Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 18 về chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử.* (ii) *Tăng cường quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế.* (iii) *Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.*

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: *Rà soát sửa đổi Luật Quản lý thuế để bãi bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh; Rà soát sửa đổi quy định pháp lý về thuế để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp.*

- Điều 13 Luật Quản lý thuế được Quốc hội thông qua ngày .../12/2025 giao Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và quy định chi tiết việc quản lý thuế phù hợp theo từng nhóm người nộp thuế.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ tình hình thực tiễn công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cho thấy có sự phân hóa rõ rệt về quy mô doanh thu, phương thức kinh doanh và mức độ rủi ro thuế, đặc biệt trong bối cảnh ngành thuế đã và đang triển khai chuyển đổi số toàn diện, áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử, khai thuế điện

tử, Etax mobile, kết nối dữ liệu liên ngành, ứng dụng quản lý rủi ro và phân tích dữ liệu lớn.

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 2023 đến nay, công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đạt nhiều kết quả tích cực. Tổng số hộ kinh doanh trên toàn quốc tính đến cuối năm 2024 là khoảng 3,6 triệu hộ, trong đó có 2,2 triệu hộ đang hoạt động ổn định và 1,3 triệu hộ có doanh thu trên ngưỡng chịu thuế, chiếm 59% tổng số hộ kinh doanh. Thu từ khu vực hộ kinh doanh năm 2024 đạt 25.953 tỷ đồng (tăng 20% so với năm 2023); 6 tháng đầu năm 2025 đạt 17.100 tỷ đồng, bằng 131% cùng kỳ năm trước, cho thấy tiềm năng và dư địa quản lý lớn.

Ngành Thuế đã ban hành Đề án 420/QĐ-TCT ngày 28/02/2025 về đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hộ kinh doanh một cách đồng bộ, từ chỉ đạo điều hành đến các nhóm giải pháp nghiệp vụ. Công tác phối hợp liên ngành với Bộ Công an, UBND các tỉnh, thành phố, các hiệp hội và tổ chức nghề nghiệp được tăng cường, qua đó đã bổ sung vào diện quản lý thuế hơn 254.000 hộ kinh doanh, truy thu và xử lý vi phạm với số thuế tăng thu hơn 1.783 tỷ đồng.

Cùng với đó, chuyển đổi số được đẩy mạnh: 98% hộ kinh doanh kê khai thuế điện tử; hơn 110.000 hộ sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền, trong đó có trên 20.000 hộ khoán tự nguyện tham gia. Ngành thuế đã tổ chức các lớp tập huấn, xây dựng cổng thông tin thuế hỗ trợ doanh nhân, kết nối với các đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán - thuế chi phí thấp giúp hộ kinh doanh thuận lợi chuyển đổi lên mô hình khai thuế hoặc doanh nghiệp.

Kết quả, 6 tháng đầu năm 2025 đã có 13.699 hộ khoán chuyển sang nộp thuế theo phương pháp kê khai và 1.474 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp. Những con số này cho thấy nhận thức và khả năng tuân thủ pháp luật của hộ kinh doanh ngày càng được cải thiện, tạo nền tảng thuận lợi để xây dựng và ban hành Nghị định riêng về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, phù hợp với thực tiễn, hướng tới công bằng, minh bạch và hiện đại hóa quản lý thuế.

Bên cạnh kết quả đạt được như trên, thực tiễn quản lý thuế đối với hộ kinh doanh hiện nay cho thấy còn nhiều tồn tại, bất cập, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý và phương thức quản lý phù hợp.

Một là, chính sách thuế hiện hành vẫn còn sự chênh lệch đáng kể giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp, dù nhiều hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương với doanh nghiệp nhỏ. Hộ kinh doanh được áp dụng phương pháp khoán đơn giản, ít nghĩa vụ hành chính, trong khi doanh nghiệp phải tuân thủ chế độ kế toán, khai thuế, báo cáo tài chính và chịu thuế suất cao hơn. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại chuyển đổi, tạo động lực duy trì hoạt động trong khu vực phi chính thức, gây ra bất bình đẳng trong môi trường kinh doanh. Thống kê cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2025, chỉ có khoảng 1.474 hộ chuyển sang doanh nghiệp trên tổng số hơn 3,6

triệu hộ đang kinh doanh – một tỷ lệ rất nhỏ, cho thấy chính sách khuyến khích chuyển đổi chưa đủ hấp dẫn.

Hai là, phương pháp khoán hiện nay vẫn dựa trên ước tính doanh thu và sự tự giác khai báo, trong khi chưa bắt buộc sử dụng hóa đơn hay sổ sách kế toán đối với hộ khoán. Điều này khiến cơ quan thuế gặp khó khăn trong việc xác định đúng, đủ nghĩa vụ thuế của từng hộ, dẫn đến nguy cơ thất thu lớn. Dù cơ quan thuế đã có nhiều biện pháp tăng cường kiểm soát như phối hợp địa phương, khai thác dữ liệu điện, nước, giao dịch ngân hàng, tuy nhiên với nguồn lực cán bộ hạn chế, việc quản lý hàng triệu hộ là thách thức lớn. Tình trạng chênh lệch số liệu giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế cho thấy còn nhiều hộ chưa được quản lý đầy đủ.

Ba là, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống dữ liệu còn phân tán, thiếu liên thông giữa các cơ quan như công an, ngân hàng, công thương, khoa học công nghệ... Năng lực phân tích rủi ro và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển sang kê khai thuế cũng còn hạn chế, do chưa có công cụ chuyên biệt và hệ thống tích hợp thông tin hóa đơn, kế toán tự động.

Bốn là, công tác tuyên truyền, hỗ trợ hộ kinh doanh còn chưa thực sự hiệu quả. Phần lớn nội dung tuyên truyền mang tính lý thuyết, thiếu hướng dẫn thực hành cụ thể như khai thuế, nộp thuế điện tử. Một bộ phận hộ kinh doanh còn hạn chế về kiến thức pháp luật, dẫn đến hiểu sai, làm sai hoặc lúng túng trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Năm là, nguồn lực và năng lực thực thi còn nhiều hạn chế. Việc mở rộng hình thức kê khai sẽ làm gia tăng đáng kể khối lượng công việc trong khi cán bộ thuế cấp cơ sở còn thiếu về số lượng và cần được đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ. Cùng với đó, công tác phối hợp giữa cơ quan thuế và chính quyền địa phương chưa đồng đều, vẫn còn tình trạng buông lỏng hoặc thiếu thông tin kịp thời từ cấp xã/phường, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý.

Những bất cập nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân chính sách lẫn thực thi, trong đó có thể kể đến: khung pháp lý chưa đồng bộ, chế tài xử phạt chưa đủ mạnh, cơ chế khoán không còn phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, hạ tầng công nghệ chưa hoàn thiện, và ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận hộ kinh doanh còn thấp.

Từ thực tiễn nêu trên, đặt ra yêu cầu cần thiết phải ban hành một Nghị định riêng về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh nhằm đảm bảo thống nhất, minh bạch, công bằng trong quản lý thuế; tăng cường hiệu quả quản lý thuế; tạo điều kiện để hộ kinh doanh phát triển đúng bản chất, phù hợp với năng lực, đồng thời khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh tiềm năng lên doanh nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng và Quốc hội tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15 nhằm tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bãi bỏ thuế khoán, thiết lập cơ chế quản lý thuế phù hợp với từng nhóm quy mô hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Tăng cường hiệu quả quản lý thuế, đảm bảo công bằng nghĩa vụ thuế giữa hộ kinh doanh và doanh nghiệp có quy mô tương đương, đồng thời khuyến khích, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp, qua đó, tạo động lực mới, giải phóng nguồn lực, sức sản xuất của kinh tế tư nhân; góp phần hiện thực hóa các mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Thứ nhất, bảo đảm bám sát các chính sách quy định tại Nghị quyết số 68-NQ/TW và Nghị quyết số 198/2025/QH15, Luật Quản lý thuế (sửa đổi) để có thể triển khai, áp dụng, phát huy hiệu quả ngay trong thực tiễn.

Thứ hai, bám sát theo tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị, phân định rõ thẩm quyền lập pháp và thẩm quyền lập quy theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ ba, quy định chính sách tại dự thảo Nghị định theo hướng đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính (nếu có).

Thứ tư, chính sách pháp luật ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của hệ thống pháp luật; tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tính khả thi và phù hợp với nguồn lực của Nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Quản lý thuế (sửa đổi), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Ngày, Bộ Tài chính đã có công văn số/. gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự thảo Nghị định.

Ngày//..., Bộ Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định và có Báo cáo thẩm ..định về hồ sơ dự thảo Nghị định (tại Báo cáo số/BTP-BCTĐ ngày//2025).

Trên cơ sở Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định và trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản pháp luật năm 2025, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Về phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2. Về đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng bao gồm: (i) Người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (ii) Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; (iii) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

2. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm **13 Điều**, chia thành **03 Chương**.

Chương I - Quy định chung (gồm 02 Điều): Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

Chương II – Quy định cụ thể (gồm 06 Điều từ Điều 3 đến Điều 8): **Quy định về:** Nguyên tắc khai, tính thuế và sử dụng hóa đơn; Khai, nộp thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân; Khai, nộp thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân; Khai, nộp thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh; Khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

Chương III - Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành (gồm 05 Điều, từ Điều 09 đến Điều 12) quy định: quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của thi hành; hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

3.1. Chương I - Quy định chung

3.1.1. Quy định về phạm vi điều chỉnh: Nghị định này quy định việc khai thuế, tính thuế, khấu trừ thuế, sử dụng hóa đơn của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và trách nhiệm của cơ quan thuế, người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3.1.2 Quy định về đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang nộp thuế theo phương pháp khoán thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thực hiện tự xác định số thuế phải nộp theo kê khai từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

c) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Cơ quan thuế các cấp và công chức thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

3.2 Chương II – Quy định cụ thể

3.2.1. Nguyên tắc khai, tính thuế và sử dụng hóa đơn

Điều 3 của dự thảo Nghị định quy định rõ nguyên khai, tính và sử dụng hóa đơn điện tử, nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng và khả thi trong quản lý thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh, phù hợp với quy mô, hình thức và mức độ phát triển của từng loại hình kinh doanh.

- Về nguyên tắc khai:

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế, khoản thu khác đối với từng loại thuế, khoản thu khác và tự tính số tiền thuế, khoản thu khác phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế, khoản thu khác, thông báo thuế, khoản thu khác do cơ quan quản lý thuế thực hiện.

Trường hợp tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế, khai thuế, khoản thu khác thay, nộp thuế, khoản thu khác thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế và pháp luật khác thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải nộp số tiền thuế, khoản thu khác đã được khấu trừ, khai thay, nộp thay.

Quy định này thể hiện nghĩa vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai chính xác, trung thực và đầy đủ các nghĩa vụ thuế và trường hợp đã được khai thay, nộp thay thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải nộp số thuế đã được khai thay, nộp thay.

- Về nguyên tắc tính các loại thuế:

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ mức doanh thu thực tế hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường: (i) Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì hệ thống thông tin quản lý thuế của cơ quan thuế hỗ trợ xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường (nếu có) phải nộp và cập nhật dữ liệu cho người nộp thuế; (ii) Trường hợp không sử dụng hóa đơn điện tử thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế phải nộp theo quy định.

Đối với phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định phí bảo vệ môi trường và các khoản thu khác phải nộp theo quy định.

- Về đăng ký khi tạm ngừng hoạt động kinh doanh:

Đối với hộ kinh doanh thuộc diện phải đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh thì thực hiện thủ tục tạm ngừng hoạt động kinh doanh theo quy định theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh với cơ quan đăng ký kinh doanh thì phải gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật quản lý thuế để cập nhật tình trạng “tạm ngừng kinh doanh”.

Trong thời gian tạm ngừng hoạt động, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường hợp tạm ngừng không trọn tháng nếu khai thuế theo tháng, hoặc tạm ngừng không trọn quý nếu khai thuế theo quý

- Về thời hạn nộp và nơi nộp hồ sơ khai thuế

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử hoặc nộp trực tiếp (đối với trường hợp không thể nộp bằng phương thức điện tử) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Về sử dụng hóa đơn điện tử

Dự thảo quy định bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu hằng năm dưới 01 tỷ đồng không bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì cơ quan thuế khuyến khích và hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử, có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

(Nội dung cụ thể tại Điều 3 dự thảo Nghị định)

3.2.2. Nhóm hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân sẽ áp dụng chính sách ưu tiên đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí tuân thủ cho nhóm kinh doanh nhỏ, siêu nhỏ, cụ thể:

Thực hiện kê khai doanh thu 1 lần/năm, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau. Việc kê khai doanh thu nhằm xác định đúng đối tượng thuộc diện không chịu thuế GTGT và không chịu thuế TNCN.

Cơ quan thuế thực hiện rà soát cơ sở dữ liệu của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của năm 2025 để hướng dẫn:

a) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai trong năm 2025 có doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thực hiện khai, nộp thuế theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

b) Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân theo pháp luật thuế giá trị gia tăng, pháp luật thuế thu nhập cá nhân áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì thực hiện khai doanh thu của năm 2026 chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm 2027.

(Nội dung cụ thể tại Điều 4 dự thảo Nghị định)

3.2.3. Nhóm hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, phải nộp thuế thu nhập cá nhân:

- Đối với thuế GTGT khai, nộp theo tháng, quý theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Đối với thuế thu nhập cá nhân: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo doanh thu tính thuế nhân thuế suất thực hiện khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quý cùng thời hạn khai, nộp thuế giá trị gia tăng. Trường hợp thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân theo thu nhập tính thuế (doanh thu – chi phí) nhân thuế suất thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân theo năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

- Về việc sử dụng hóa đơn điện tử: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp, hệ thống công nghệ thông tin tự động tạo lập tờ khai thuế gợi ý đề hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

(Nội dung cụ thể tại Điều 5 dự thảo Nghị định)

3.2.4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh:

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 6 tháng đầu năm thực hiện kê khai doanh thu thực tế phát sinh từ khi bắt đầu kinh doanh đến hết ngày 30 tháng 6 và nộp tờ khai thuế (lần 1) cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 và nộp tờ khai thuế (lần 2) chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh trong 6 tháng cuối năm thực hiện kê khai doanh thu thực tế trong năm chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh căn cứ doanh thu thực tế kê khai để tự xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

(Nội dung cụ thể tại Điều 6 dự thảo Nghị định)

3.2.5. Khai thuế, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Nghị định quy định trách nhiệm của Chủ quản quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nền tảng số có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay đổi với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ; Hộ, cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến nhưng không có chức năng thanh toán có trách nhiệm tự kê khai, nộp thuế theo quy định tại Nghị định số

117/2025/NĐ-CP ngày 9/6/2025 của Chính phủ về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.

(Nội dung thể hiện tại Điều 7 dự thảo Nghị định)

3.2.6. Xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

Xử lý tiền thuế nộp thừa: Trường hợp hộ kinh doanh hoặc cá nhân nộp thừa thuế GTGT, TNCN do doanh thu cả năm thuộc đối tượng không chịu thuế, họ có thể làm thủ tục hoàn thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế. Điều này áp dụng cả với thuế đã nộp thông qua nền tảng thương mại điện tử và hoạt động kinh doanh truyền thống, ngoại trừ thuế của hóa đơn kê khai từng lần phát sinh. Hồ sơ và thủ tục đề nghị xử lý tiền nộp thừa thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

(Nội dung cụ thể tại Điều 8 dự thảo Nghị định)

3.3. Chương III - Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

Chương V quy định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định, bao gồm quyền và trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Việc quy định rõ ràng trách nhiệm của từng chủ thể sẽ giúp tăng tính khả thi và hiệu lực thực thi của Nghị định, bảo đảm việc quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được minh bạch, hiện đại và phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế. Cụ thể:

3.3.1. Trách nhiệm của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phải kê khai đầy đủ, chính xác doanh thu, mở và thông báo các tài khoản phục vụ kinh doanh, sử dụng sổ sách, hóa đơn, phần mềm quản lý bán hàng theo quy định, đồng thời cung cấp thông tin, tài liệu liên quan khi cơ quan thuế yêu cầu. Với hoạt động trên nền tảng thương mại điện tử, họ còn phải kê khai và nộp thuế các loại liên quan và cung cấp thông tin nhận dạng cá nhân hoặc mã số thuế và dữ liệu cần thiết để xác định nghĩa vụ thuế.

(Nội dung cụ thể tại Điều 9 dự thảo Nghị định)

3.3.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp với Thuế tỉnh, thành phố để triển khai thực hiện Nghị định này.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan thuế rà soát, cập nhật danh sách hộ, cá nhân kinh doanh trên địa bàn, phát hiện

các trường hợp bắt đầu, tạm ngừng, ngừng hoặc kinh doanh không phép, tuyên truyền chính sách thuế, hỗ trợ kiểm tra, xác minh thông tin, quy mô kinh doanh và xử lý các vi phạm liên quan đến địa điểm và điều kiện kinh doanh.

(Nội dung cụ thể tại Điều 10 dự thảo Nghị định)

3.3.3. Trách nhiệm của cơ quan thuế trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Cơ quan thuế quản lý hộ, cá nhân kinh doanh minh bạch, thuận tiện, hỗ trợ kê khai, nộp thuế, cung cấp hướng dẫn, tiếp nhận phản ánh, kiểm tra thuế khi có dấu hiệu rủi ro hoặc vi phạm, thực hiện ấn định thuế dựa trên dữ liệu hóa đơn, sản thương mại điện tử, tổ chức tín dụng và cơ sở dữ liệu quản lý thuế, đồng thời bảo đảm quy trình công khai, minh bạch, tránh gây phiền hà cho người nộp thuế.

(Nội dung cụ thể tại Điều 11 dự thảo Nghị định)

3.3.4. Về trách nhiệm thi hành Nghị định:

Các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm triển khai Nghị định theo chức năng, nhiệm vụ. Bộ Tài chính hướng dẫn và triển khai các giải pháp hỗ trợ các tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay. Bộ Công Thương quản lý toàn bộ hoạt động thương mại điện tử và phối hợp với Bộ Tài chính trong việc hỗ trợ các nền tảng thực hiện nghĩa vụ thuế. Cục Thuế hướng dẫn tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu dữ liệu, xử lý hoàn trả thuế nộp thừa và cung cấp thông tin thuế khấu trừ cho hộ, cá nhân kinh doanh.

(Nội dung cụ thể tại Điều 12 dự thảo Nghị định)

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và sẽ áp dụng theo các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung nếu có.

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ĐÁNH GIÁ VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VỀ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, ỨNG DỤNG THúc ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Đánh giá tác động

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Tính hợp hiến, hợp pháp: Việc thay đổi cơ chế thuế từ khoán sang kê khai không vi phạm Hiến pháp. Theo Điều 47 Hiến pháp 2013, công dân có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh cách thức tính thuế là quyền của Nhà nước nhằm đảm bảo công bằng và minh bạch trong quản lý thuế. Ngoài ra pháp luật quản lý thuế, pháp luật thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đều cho phép xây dựng các cơ chế kê khai phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật: Chính sách “bỏ thuế khoán” giúp tiệm cận với Luật Doanh nghiệp, góp phần phân loại rõ ràng hơn giữa hộ kinh doanh lớn và doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, tạo tiền đề cho chuyển đổi hình thức hoạt động và tăng tính minh bạch và thống nhất trong hệ thống pháp luật thuế.

- Tính tương thích với điều ước quốc tế: Việc áp dụng cơ chế kê khai và đánh thuế dựa trên thu nhập thực tế đối với hộ kinh doanh có quy mô tiệm cận với doanh nghiệp là phù hợp thông lệ quốc tế. Điều này phù hợp với cam kết về minh bạch tài chính, chống gian lận thuế, rửa tiền theo các hiệp định như BEPS của OECD mà Việt Nam có tham gia.

b) Tác động tích cực về kinh tế - xã hội

- Hộ kinh doanh tự kê khai thuế giúp cơ quan thuế kiểm soát chính xác doanh thu thực tế, hạn chế thất thu thuế. Khuyến khích hộ kinh doanh minh bạch, chuyên nghiệp hóa hoạt động, giúp hộ kinh doanh từng bước cải thiện hệ thống kế toán, minh bạch hóa tài chính.

- Góp phần bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh: Tránh hiện tượng hộ kinh doanh quy mô lớn được ưu đãi hơn doanh nghiệp nhỏ đang chịu nhiều nghĩa vụ hơn.

- Thúc đẩy chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp: Hộ kinh doanh lớn có thể thấy lợi ích rõ ràng khi chuyển đổi hình thức để tận dụng cơ chế kế toán, tín dụng, pháp lý của doanh nghiệp.

c) Tác động của thủ tục hành chính

- Tăng chi phí tuân thủ: Hộ kinh doanh phải thuê kế toán, lưu giữ chứng từ, khai thuế định kỳ (năm 2 lần, năm 4 lần và khai quyết toán thuế TNCN) nên sẽ tăng chi phí tuân thủ.

- Nguy cơ quá tải cho cơ quan thuế: Hộ kinh doanh chuyển sang chế độ kê khai sẽ làm tăng khối lượng công việc của cơ quan thuế.

2. Đánh giá về thủ tục hành chính, về phân cấp, phân quyền, ứng dụng thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, thực hiện chính sách dân tộc

Việc chuyển đổi từ cơ chế khoán thuế sang cơ chế hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự khai, tự tính, tự nộp thuế trong dự thảo Nghị định là một bước tiến quan trọng trong quá trình cải cách quản lý thuế, phản ánh tư duy quản trị hiện đại, minh bạch và phù hợp với xu hướng quốc tế. Trên bình diện phân quyền, phân cấp, chính sách này đồng thời tạo điều kiện để phân định rõ vai trò giữa Nhà nước và người nộp thuế: cơ quan thuế chuyển từ vai trò “án định” sang “hướng dẫn, giám sát”, còn người nộp thuế được trao quyền chủ động trong kê khai nghĩa vụ của mình. Mô hình này hiệu quả đi kèm với sự phân cấp, nâng cao năng lực cho cấp cơ sở -

đặc biệt là các Thuế cơ sở, Thuế tỉnh, thành phố trong việc hỗ trợ, giải đáp và kiểm soát tuân thủ thuế, thay vì tiếp tục phụ thuộc vào cơ quan cấp trên.

Về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, dự thảo Nghị định đã thể hiện rõ xu hướng hiện đại hóa quản lý thuế qua việc bắt buộc khai thuế, nộp thuế bằng phương thức điện tử, tích hợp thông tin từ nền tảng thương mại điện tử, kết nối dữ liệu từ nhiều nguồn (ngân hàng, công thanh toán, nền tảng số...). Việc quản lý hộ kinh doanh theo hướng số hóa không chỉ giảm chi phí hành chính, mà còn góp phần minh bạch hóa khu vực kinh tế phi chính thức, tăng khả năng giám sát rủi ro, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Đối với thực hiện chính sách dân tộc, việc chuyển từ thuế khoán (thường do cán bộ thuế định đoạt một cách tương đối) sang tự khai, tự tính có thể tạo điều kiện bình đẳng hơn cho các hộ kinh doanh người dân tộc thiểu số – vốn thường chịu thiệt do thiếu thông tin, trình độ hạn chế hoặc do tâm lý e ngại tiếp xúc với cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, chuyển sang phương thức tự khai cũng đòi hỏi người nộp thuế phải hiểu biết pháp luật, có kỹ năng kê khai, điều mà không phải hộ dân tộc nào cũng đáp ứng được trong giai đoạn đầu.

Để bảo đảm thực hiện hiệu quả chính sách từ ngày 01/01/2026, Bộ Tài chính tập trung triển khai: Tăng cường tuyên truyền, tập huấn cho hộ kinh doanh về quy định mới và cách thức thực hiện; ban hành chế độ kế toán đơn giản, mẫu biểu khai thuế phù hợp theo quy mô, ngành nghề; hoàn thiện hệ thống quản lý thuế điện tử, kết nối liên thông với ngân hàng, nền tảng thanh toán, hóa đơn điện tử; phối hợp chặt chẽ với các nền tảng số để thực hiện đầy đủ trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thay; tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, bảo đảm thu đúng, thu đủ, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆT THỊ HÀNH VÀ THỜI GIAN BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

1.1. Dự kiến nguồn lực

Việc triển khai Nghị định do NSNN đảm bảo theo quy định nên nguồn lực để thi hành được cân đối từ: nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật NSNN.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn các nội dung được giao tại Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Bộ Tài chính chủ trì, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để cơ quan thuế các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị định. Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định tại Nghị định từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian trình ban hành Nghị định

Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định để triển khai áp dụng từ ngày 01/01/2026 theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Bộ Tài chính kiến nghị Chính phủ thông qua hồ sơ dự thảo Nghị định.

Trên đây là nội dung Tờ trình của Bộ Tài chính về dự thảo Nghị định quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Bộ Tài chính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: CT, CA, TP, KHCN, NN&MT;
- Thanh tra Chính phủ;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Văn phòng Bộ, Văn phòng Đảng ủy;
- Các Vụ/Cục: PC, CST, CĐKT&KT, KTTN;
- Lưu: VT, CT (...b);

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng